

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH TRÀ VINH**

Bản án số: 05/2021/HNGĐ-PT

Ngày: 12-7-2021

V/v ly hôn, tranh chấp về nuôi con

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH TRÀ VINH

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Ngô Đê

Các Thẩm phán:

Ông Nguyễn Văn Mến

Ông Nguyễn Văn Thành

- Thư ký phiên tòa: Bà Bùi Minh Loan - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Trà Vinh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Trà Vinh tham gia phiên tòa: Bà Dương Thị Hồng Lánh - Kiểm sát viên.

Ngày 12 tháng 7 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Trà Vinh xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 10/2021/TLPT-HNGĐ ngày 17 tháng 6 năm 2021 về “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con”.

Do bản án dân sự sơ thẩm số 17/2021/HNGĐ-ST ngày 13-4-2021 của Tòa án nhân dân huyện C bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 73/2021/QĐ-PT ngày 29 tháng 6 năm 2021, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Chị Nguyễn Thị Bích T, sinh năm 1997 (có mặt)

Địa chỉ: Ấp X, xã N, huyện C, tỉnh Trà Vinh.

- *Bị đơn:* Anh Quách Văn P, sinh năm 1988 (có mặt)

Địa chỉ: Ấp 3, xã P, huyện C, tỉnh Trà Vinh.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

1. Chị Tô Thị Thu H, sinh năm 1978 (có mặt)

Địa chỉ: Ấp X, xã N, huyện C, tỉnh Trà Vinh.

2. Bà Lê Thị Bé B, sinh năm 1963 (vắng mặt)

Địa chỉ: Ấp 3, xã P, huyện C, tỉnh Trà Vinh.

- *Người kháng cáo:* Anh Quách Văn P là bị đơn.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 13 tháng 10 năm 2020 và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn chị Nguyễn Thị Bích T trình bày: Vào năm 2017, chị và

anh Quách Văn P kết hôn với nhau, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã P, huyện C, tỉnh Trà Vinh. Sau khi kết hôn, hai vợ chồng sống chung bên cha mẹ chồng được khoảng 03-04 tháng thì cha ruột của chị bị bệnh nên trở về sống chung bên cha mẹ ruột của chị để chị thuận tiện chăm sóc cha. Sau khi chị sinh con và nuôi con được 18 tháng thì vợ chồng trở về nhà cha mẹ chồng, nhưng khi chị xin chở con của chị đi về thăm ngoại thì mẹ chồng của chị không cho đi; đồng thời, lấy đồ dùng cá nhân của chị đem đi đốt bỏ và đe dọa không cho chị trở về nhà cha mẹ chồng. Từ đó, chị ở lại nhà cha mẹ ruột và vợ chồng ly thân từ ngày 25/7/2020 cho đến nay. Do mâu thuẫn vợ chồng ngày càng nghiêm trọng, không thể sống chung được nữa nên chị làm đơn khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị ly hôn với anh P.

Về con chung: Có 01 người tên Quách Hoàng H, sinh ngày 21/12/2018. Chị yêu cầu được nuôi con chung, không yêu cầu anh P cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Vợ chồng có 10 chỉ vàng, do mẹ chồng đang quản lý. Chị yêu cầu mẹ chồng trả lại vàng để chia đôi cho vợ chồng mỗi người 05 chỉ. Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa sơ thẩm, chị T rút yêu cầu khởi kiện phần tài sản chung, không yêu cầu Tòa án tiếp tục giải quyết.

Về nợ chung: Không có, nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Theo bị đơn anh Quách Văn P trình bày: Anh thừa nhận thống nhất theo lời trình bày của chị T về thời gian kết hôn, điều kiện kết hôn; về con chung; về tài sản chung; về nợ chung. Đồng thời, anh thừa nhận khoảng tháng 6 năm 2020 anh và chị T cự cãi với nhau vì chị T đòi đi về nhà cha mẹ ruột của chị T sống, nhưng anh không đồng ý; đến ngày 25/7/2020, chị T bỏ đi về nhà cha mẹ ruột của chị T sống, để đưa con lại cho anh chăm sóc cho đến nay. Nay chị T yêu cầu ly hôn với anh, anh không đồng ý mà chờ cho đến khi đưa con đủ 05 tuổi mới giải quyết ly hôn.

Về tài sản chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Không có, nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Theo người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan chị Tô Thị Thu H trình bày: Anh P còn thiếu nợ chị một khoản tiền nhưng chị không yêu cầu Tòa án giải quyết trong cùng vụ án này. Nếu sau này anh P không trả tiền cho chị thì chị sẽ khởi kiện ở một vụ kiện dân sự khác.

Theo người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Lê Thị Bé B trình bày: Trước đây chị T có yêu cầu bà trả số vàng cưới 10 chỉ, nhưng chị T đã rút đơn khởi kiện nên bà không còn liên quan trong vụ án.

Tại bản án dân sự sơ thẩm số 17/2021/HNGĐ-ST ngày 13-4-2021 của Tòa án nhân dân huyện C đã quyết định:

Căn cứ vào Điều 28, Điều 35, Điều 36, Điều 39, Điều 147, Điều 217, khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 và khoản 1 Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 51, Điều 56, Điều 82 và Điều 83 của Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Về hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu của chị Nguyễn Thị Bích T; cho chị Nguyễn Thị Bích T được ly hôn với anh Quách Văn P.

Về con chung: Chấp nhận yêu cầu nuôi con của chị Nguyễn Thị Bích T. Không chấp nhận yêu cầu nuôi con của anh Quách Văn P. Buộc anh P giao cháu Quách Hoàng H, sinh ngày 21/12/2018 cho chị Nguyễn Thị Bích T được quyền trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục.

Về cấp dưỡng nuôi con: Chị Nguyễn Thị Bích T không yêu cầu anh Quách Văn P cấp dưỡng nuôi con nên không xem xét giải quyết.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Người trực tiếp nuôi con cùng các thành viên trong gia đình không được cản trở người không trực tiếp nuôi con trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

Về tài sản chung: Đình chỉ yêu cầu chia 10 chỉ vàng 24k của chị T. Chị T có quyền khởi kiện ở một vụ kiện dân sự khác khi có yêu cầu. Anh P không yêu cầu nên không xem xét giải quyết.

Về nợ chung: Chị Nguyễn Thị Bích T và anh Quách Văn P khai không có nên không xem xét giải quyết. Anh P thừa nhận thiếu nợ riêng chị Tô Thị Thu H tổng cộng vốn và lãi bằng 40.300.000 đồng. Do chị H không khởi kiện anh P để đòi nợ trong vụ án này nên không xem xét giải quyết. Chị H được quyền khởi kiện anh P ở một vụ kiện dân sự khác khi có yêu cầu.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn quyết định về án phí và quyền kháng cáo của các đương sự theo quy định của pháp luật.

Ngày 26/4/2021, anh Quách Văn P làm đơn kháng cáo không đồng ý ly hôn. Trường hợp Tòa án vẫn giải quyết cho ly hôn thì anh yêu cầu được tiếp tục nuôi con chung tên Quách Hoàng H, sinh ngày 21/12/2018. Anh không yêu cầu chị T cấp dưỡng nuôi con.

Ý kiến của Kiểm sát viên: Về tố tụng, Thẩm phán, Hội đồng xét xử và Thư ký đã tiến hành đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Các đương sự đã thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về nội dung vụ án: Tại phiên tòa phúc thẩm, anh P rút một phần kháng cáo về hôn nhân nên đề nghị Hội đồng xét xử đình chỉ xét xử phúc thẩm đối với phần kháng cáo mà anh P đã rút. Riêng phần kháng cáo của anh P yêu cầu được trực tiếp nuôi con chung là không có cơ sở, vì con dưới 36 tháng tuổi, chị T có thu nhập hàng tháng đủ điều kiện để nuôi con; Tòa án sơ thẩm xét xử giao cho chị T được trực tiếp nuôi con là có căn cứ. Do đó, đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ vào khoản 1 Điều 308 của Bộ luật Tố tụng dân sự, không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của anh P, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Tại phiên tòa phúc thẩm, nguyên đơn không rút đơn khởi kiện, bị đơn rút một phần kháng cáo; các đương sự không thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án. Qua các chứng cứ có trong hồ sơ, lời trình bày tranh tụng của các đương sự tại phiên tòa, ý kiến của Kiểm sát viên; Hội đồng xét xử thấy rằng:

[1] Về tố tụng: Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Lê Thị Bé B không phải là người kháng cáo vắng mặt tại phiên tòa không có lý do, không có đơn đề

ngợi Tòa án xét xử vắng mặt; không liên quan đến kháng cáo của anh P và cũng không liên quan đến việc xét xử phúc thẩm nên Hội đồng xét xử không xem xét việc hoãn phiên tòa.

[2] Về hôn nhân: Sau khi xét xử sơ thẩm, anh P kháng cáo không đồng ý ly hôn với chị T, nhưng tại phiên tòa phúc thẩm anh P rút phần kháng cáo này. Do đó, căn cứ vào khoản 3 Điều 284 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử đình chỉ xét xử phúc thẩm đối với phần của vụ án về hôn nhân mà anh P đã rút kháng cáo.

[3] Về nuôi con: Anh P kháng cáo yêu cầu được trực tiếp nuôi con chung tên Quách Hoàng H, sinh ngày 21/12/2018, vì anh P có đủ điều kiện nuôi con, còn chị T thì không đủ điều kiện nuôi con. Tuy nhiên, tại phiên tòa phúc thẩm anh P thừa nhận chị T đi làm công nhân, trong khi đó anh P còn khoản nợ thiếu chị H bằng 40.300.000 đồng (Bốn mươi triệu ba trăm nghìn đồng) chưa trả. Tại thời điểm xét xử sơ thẩm và xét xử phúc thẩm, cháu H dưới 36 tháng tuổi. Theo quy định tại khoản 3 Điều 81 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 thì con dưới 36 tháng tuổi được giao cho mẹ trực tiếp nuôi, trừ trường hợp người mẹ không đủ điều kiện để trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con hoặc cha mẹ có thỏa thuận khác phù hợp với lợi ích của con. Đối chiếu quy định này của Luật cho thấy chị T không thuộc trường hợp không đủ điều kiện để trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cháu H nên Tòa án sơ thẩm xét xử cho chị T được trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cháu Quách Hoàng H là có căn cứ và đúng pháp luật. Do đó, không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của anh P.

[4] Xét thấy ý kiến của Kiểm sát viên đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ vào khoản 1 Điều 308 của Bộ luật Tố tụng dân sự, không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của anh P, giữ nguyên bản án sơ thẩm là có căn cứ.

[5] Các phần quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

[6] Về án phí: Theo khoản 1 Điều 148 của Bộ luật Tố tụng dân sự thì đương sự kháng cáo phải chịu án phí dân sự phúc thẩm, nếu Tòa án cấp phúc thẩm giữ nguyên bản án, quyết định sơ thẩm bị kháng cáo, trừ trường hợp được miễn hoặc không phải chịu án phí phúc thẩm. Anh P là người kháng cáo và không thuộc trường hợp được miễn hoặc không phải chịu án phí phúc thẩm. Do đó, buộc anh Quách Văn P phải chịu án phí dân sự phúc thẩm theo quy định của pháp luật bằng 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng).

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 308 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của anh Quách Văn P.

Giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm số 17/2021/HNGĐ-ST ngày 13-4-2021 của Tòa án nhân dân huyện C, tỉnh Trà Vinh.

1. Về hôn nhân: Cho chị Nguyễn Thị Bích T ly hôn với anh Quách Văn P.

2. Về con chung: Giao cháu Quách Hoàng H, sinh ngày 21/12/2018 cho chị Nguyễn Thị Bích T trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục.

Anh Quách Văn P không phải có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con.

Anh Quách Văn P có quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cháu Quách Hoàng H; chị Nguyễn Thị Bích T cùng các thành viên gia đình không được cản trở anh Quách Văn P trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

3. Các phần quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

4. Về án phí: Buộc anh Quách Văn P phải chịu án phí dân sự phúc thẩm bằng 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng), nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí anh Quách Văn P đã nộp bằng 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) theo biên lai số 0005513 ngày 26/4/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện C, tỉnh Trà Vinh.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Trà Vinh;
- TAND huyện C;
- Chi cục THADS huyện C;
- UBND xã P, huyện C;
- Các đương sự (theo địa chỉ);
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Ngô Đê